

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi và mức chi cho
công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số / TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban
Nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi,
mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
/BC-HĐND ngày tháng năm của; Ý kiến thảo luận của Đại biểu
Hội đồng Nhân dân tại kỳ họp...*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Không bao gồm nội dung chi thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia).

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Chi hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế, dân số tham gia giám sát dịch tễ học, tiêm chủng; các bệnh, tật bẩm sinh; ung thư, tim mạch, đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt và các bệnh tật khác; an toàn thực phẩm; dinh dưỡng; phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng; sức khỏe sinh sản; các chương trình đề án về dân số và phát triển; mất cân bằng giới tính khi sinh; các điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý khi thực hiện

nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí: 40.000 đồng/người/ngày.

2. Chi hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế tham gia khám, chữa bệnh lưu động tại cộng đồng (tỉnh, huyện, thành phố xuống xã, phường, thị trấn, thôn, khu phố; xã xuống thôn, khu dân cư) để khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch; bao gồm khắc phục hậu quả thiên tai và kết hợp quân dân y khi thực hiện nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí: tối đa 60.000 đồng/người/ngày.

3. Chi hoạt động phòng, chống Phong

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: tối đa 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Chi hỗ trợ bệnh nhân thuộc hộ nghèo vớt lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực (thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày): 50.000 đồng/người/ngày.

c) Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 300.000 đồng/bệnh nhân;

Đối với các xã còn lại: tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân.

4. Chi hoạt động phòng, chống Lao

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng;

Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân Lao, Lao kháng đa thuốc, Lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

Tại xã, thôn đặc biệt khó khăn: tối đa 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; tối đa 150.000 đồng/bệnh nhân Lao tiềm ẩn/đợt điều trị; tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9-11 tháng; tối đa 400.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;

Tại các vùng còn lại: tối đa 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; tối đa 100.000 đồng/bệnh nhân Lao tiềm ẩn/đợt điều trị; tối đa 150.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9-11 tháng; tối đa 300.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

5. Chi hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: tối đa 500.000 đồng/người/tháng;

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (methadone): Hỗ trợ người thực hiện tư vấn tối đa 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định;

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: người thực hiện tư vấn tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí được hỗ trợ 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng;

d) Hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế cho bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS chưa có bảo hiểm y tế và hỗ trợ đồng chi trả cho hoạt động điều trị HIV/AIDS.

6. Chi hoạt động phòng, chống bệnh Sốt rét và bệnh Sốt xuất huyết

a) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét: tối đa 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng;

b) Chi hỗ trợ cho người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: tối đa 130.000 đồng/người/đêm;

c) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện xét nghiệm định loại vec tơ truyền bệnh Sốt rét, bệnh Sốt xuất huyết tại cộng đồng: 5.000 đồng/mẫu;

d) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

đ) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

7. Chi hoạt động Bảo vệ sức khỏe tâm thần

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi;

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân Tâm thần tại gia đình: tối đa 150.000 đồng/xã/tháng;

c) Hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: Khu vực đồng bằng và thành thị: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng; Khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo: 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng (Tối đa 100.000 đồng/thôn, bản/tháng).

8. Chi hoạt động phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản tại cộng đồng: 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc tối đa 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

9. Chi hoạt động Tiêm chủng mở rộng

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin;

Đối với các xã còn lại: tối đa 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

c) Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

10. Chi hoạt động Dân số và phát triển

a) Chi tiền công biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên;

Hỗ trợ phát thanh viên: tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

b) Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

c) Chi tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số - KHHGD trong phạm vi dự toán được giao:

Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): tối đa 40.000 đồng/người/ngày;

Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: tối đa 50.000 đồng/người/ngày;

Chi hỗ trợ cán bộ đội lưu động Y tế - Dân số tuyến tỉnh, huyện hỗ trợ cung cấp các gói dịch vụ dân số - KHHGD trong các ngày thực hiện dịch vụ tại các xã chiến dịch (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

d) Cấp miễn phí phương tiện tránh thai (PTTT) theo danh mục do Bộ Y tế ban hành: Đối tượng được cấp miễn phí PTTT: cấp cho mọi người dân có nhu cầu tại cả khu vực thành thị, nông thôn bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên; định mức thực hiện theo giá đầu thầu hàng năm.

đ) Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại các thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; vùng nhiễm chất độc đioxin và chưa có thẻ BHYT.

Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: Hóa chất, giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao thực hiện xét nghiệm sàng lọc cho đối tượng miễn phí theo giá đấu thầu hàng năm; Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ Y tế quy định; Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Chi phí lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: 7.000 đồng/mẫu;

Chi vận chuyển mẫu máu từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm sàng lọc theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành.

11. Chi hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người/lần/năm;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

12. Chi hoạt động An toàn thực phẩm

a) Chi hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm (đối với vụ ngộ độc tập thể từ 20 người mắc trở lên);

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ hỗ trợ này): tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

13. Chi giám sát hỗ trợ hoạt động phòng, chống đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: tối đa 20.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi tối đa: 5.000 đồng/mẫu;

c) Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt tối đa 2.000 đồng/mẫu;

d) Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: tối đa 10.000đ/người được khám;

đ) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: tối đa 10.000 đồng/người;

e) Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

14. Chi hỗ trợ phòng, chống ung thư, bệnh Tim mạch

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

15. Các nội dung thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao theo kế hoạch, cụ thể:

a) Mua thuốc (bao gồm thuốc kháng lao cho bệnh nhân lao mới phát hiện chưa có thẻ bảo hiểm y tế, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế), vắc xin tiêm chủng mở rộng, vitamin A cho trẻ dưới 5 tuổi, thuốc kháng HIV (ARV), mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng, máy móc, thiết bị dùng cho hoạt động chuyên môn của công tác Y tế - Dân số (*không bao gồm các khoản chi đã được thanh toán từ Quỹ BHYT*);

b) Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Mua nhiên liệu, thuê dịch vụ lưu trữ, thuê địa điểm khám lưu động, tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có); tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Các hoạt động tập huấn, đào tạo ngắn hạn, hội nghị sơ kết, tổng kết và truyền thông giáo dục sức khỏe, thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc người bệnh, an toàn thực phẩm, dân số, kế hoạch hóa gia đình;

đ) Thuê đánh giá, đánh giá giám sát, đánh giá lại và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo tiêu chuẩn Iso IEC 17025:2017.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương (bao gồm Nguồn kinh phí theo Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Chính sách dân số và phát triển tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030).

2. Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.
3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Khi Trung ương ban hành quy định mới về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày.....tháng....năm 202.... và có hiệu lực kể từ ngày

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Y tế;
- Vụ pháp chế Bộ Nội vụ;
- Vụ pháp chế Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TT HỖHD, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công báo Tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH Quảng Trị;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang